CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Xây dựng và Giao thông Bình Dương

Ngày 30/06/2025	9,950 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.7%	**-3.4%**	**31.3%**

DT thuần
Q2/25
118
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 109| 1158%
YoY: ▲ 101| 611%

LN thuần
Q2/25
6.60
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 14.3| 186%
YoY: ▲ 17.7| 159%

LN sau thuế
Q2/25
5.57
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 10.7| 209%
YoY: ▲ 17.4| 147%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
6.0%
YoY: +/-▲ 53.0%

ROE (TTM)
Q2/25
19.6%
YoY: +/-▲ 5.2%

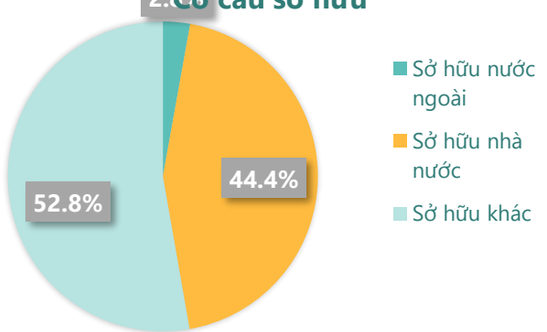
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,560 - 10,650
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	348
Số lượng CPLH (CP)	35,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	84,295
Sở hữu nước ngoài	2.8%
Beta	0.07
EPS	1,967
P/E	5.1

DT thuần
6T 2025
127
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 99.8| 369%

LN thuần
6T 2025
-1.07
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.2| 93.8%

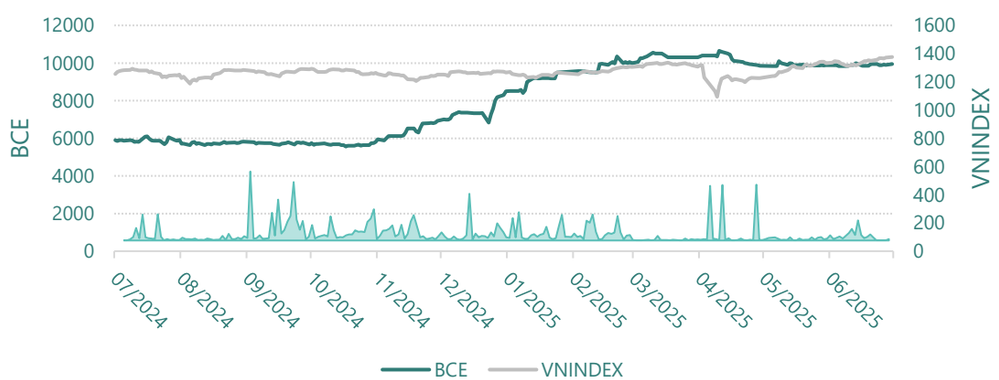
LN sau thuế
6T 2025
0.47
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.0| 103%

Cơ cấu sở hữu

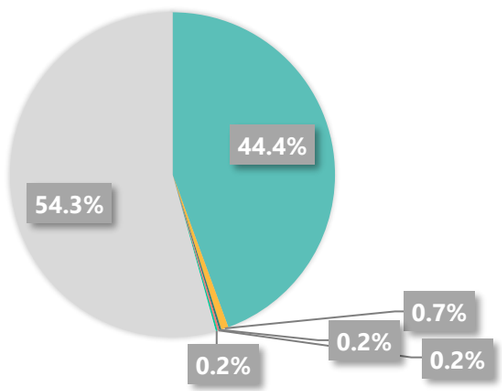


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

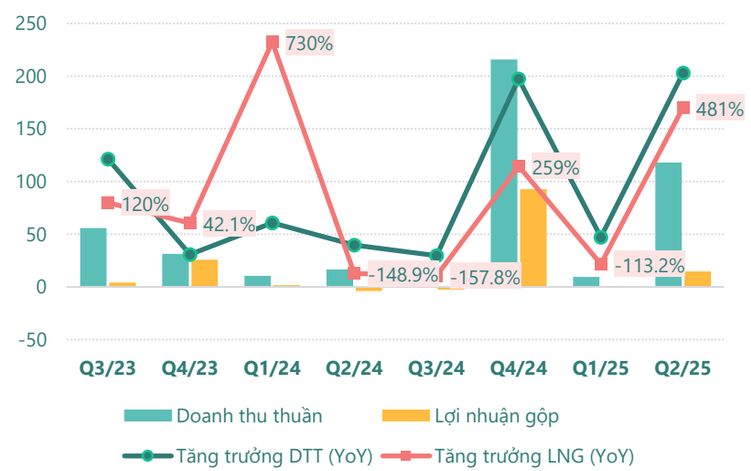


- Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP
- Nguyễn Tấn Lợi
- Nguyễn Thị Thanh Tâm
- Nguyễn Kim Tiên (Tổng giám đốc)
- Hồ Minh Diễm Thúy
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

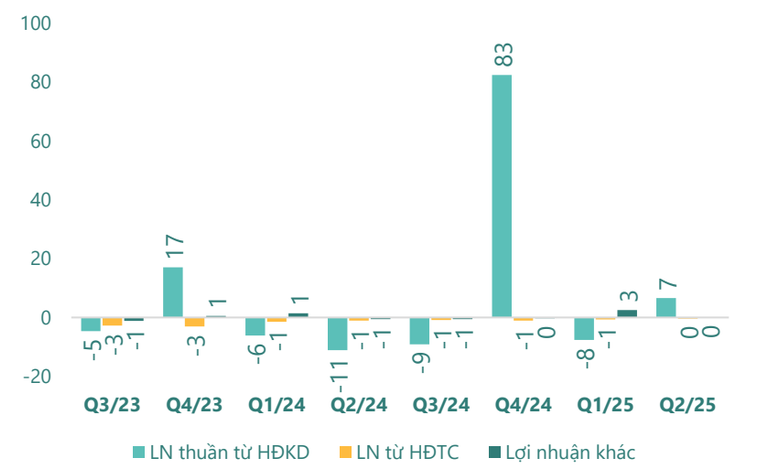
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



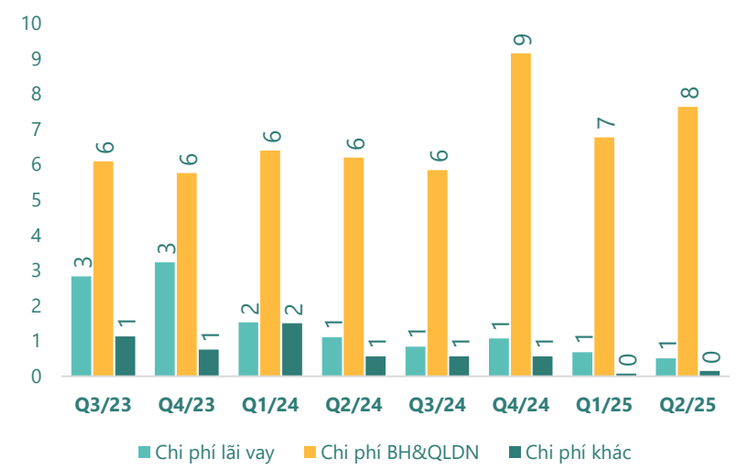
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



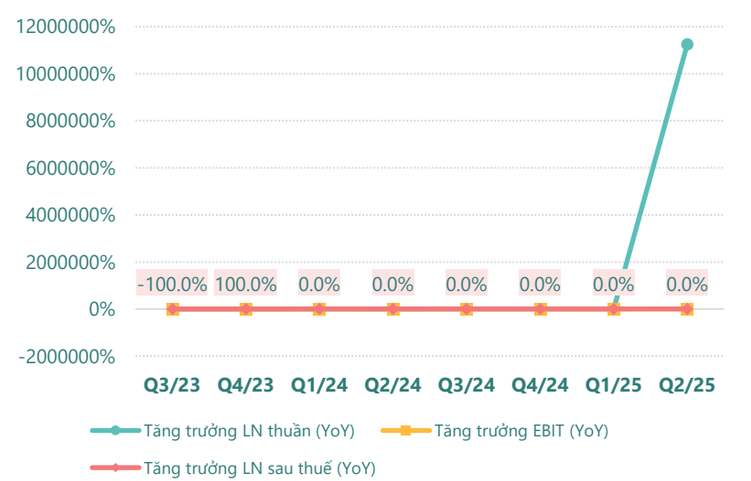
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



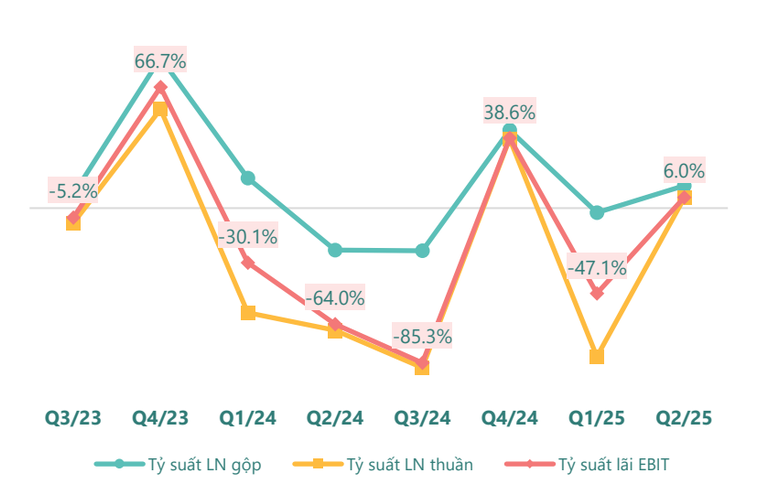
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



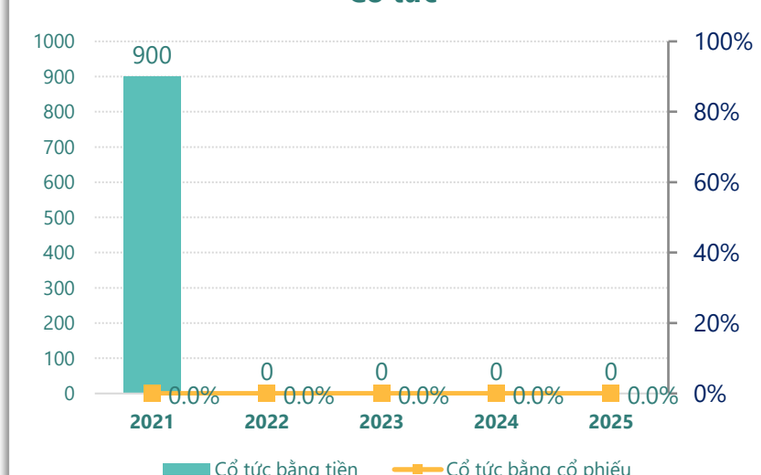
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

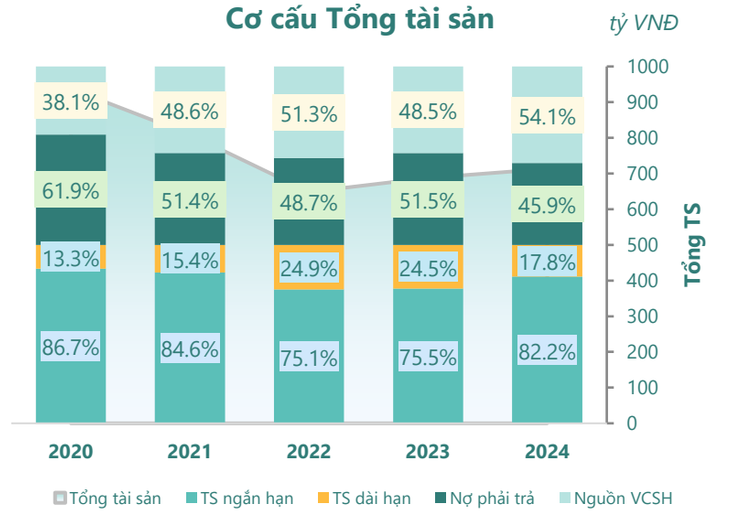
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

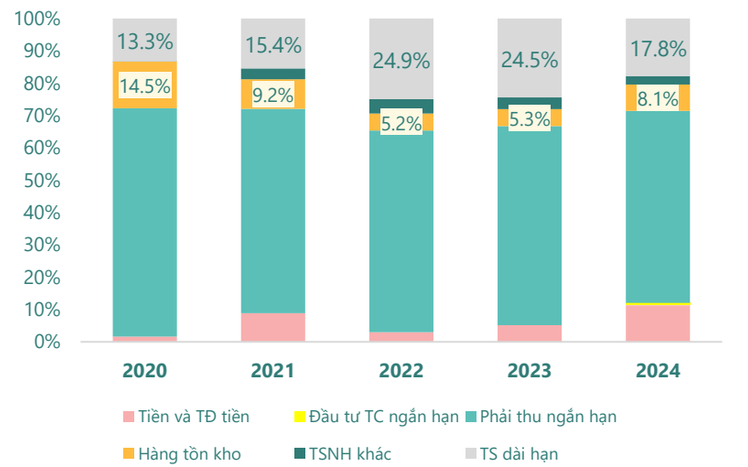
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



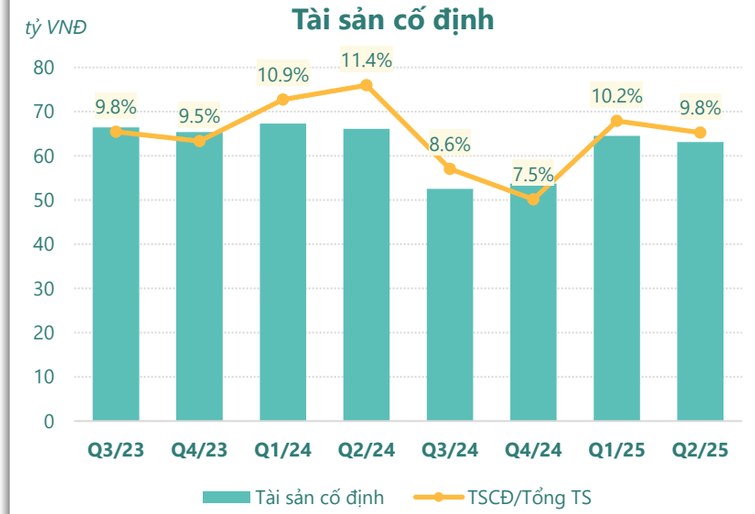
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



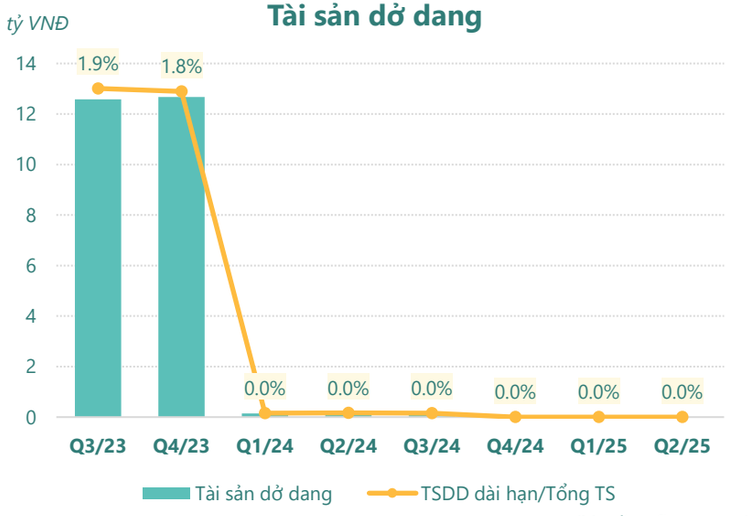
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



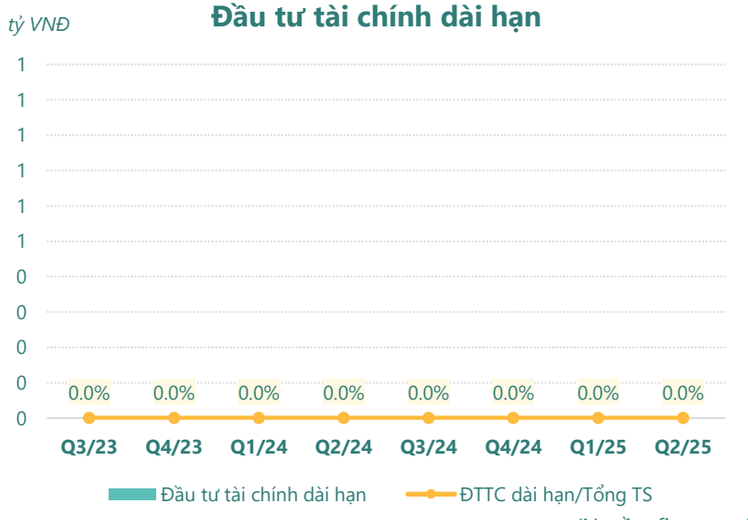
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



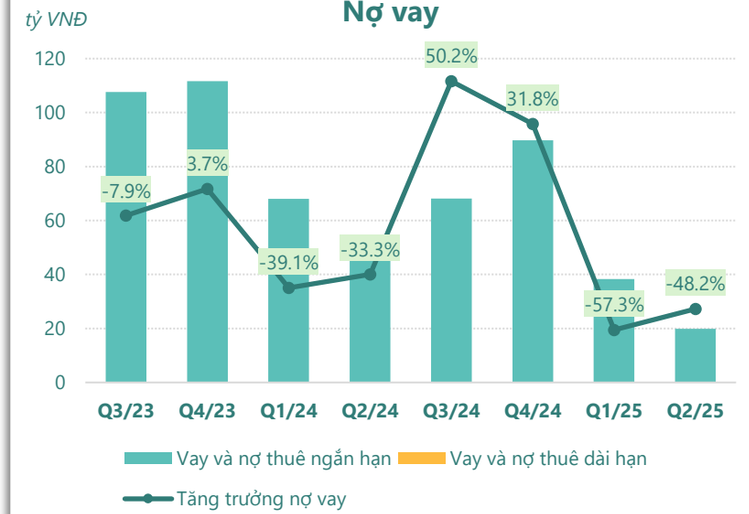
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

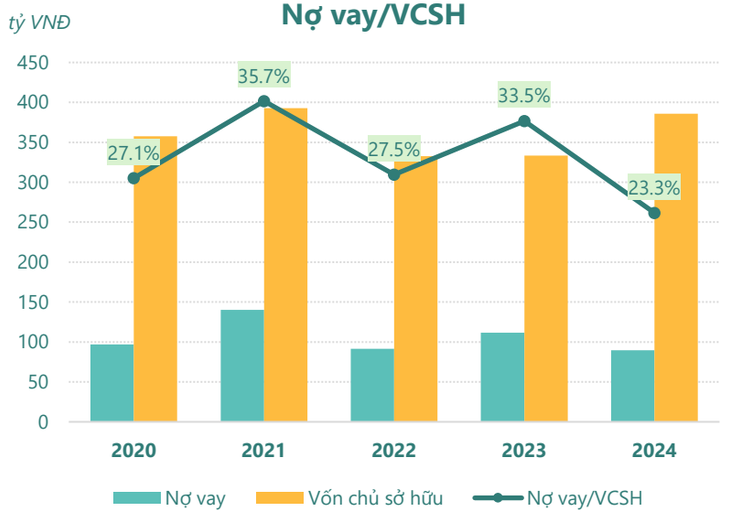
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

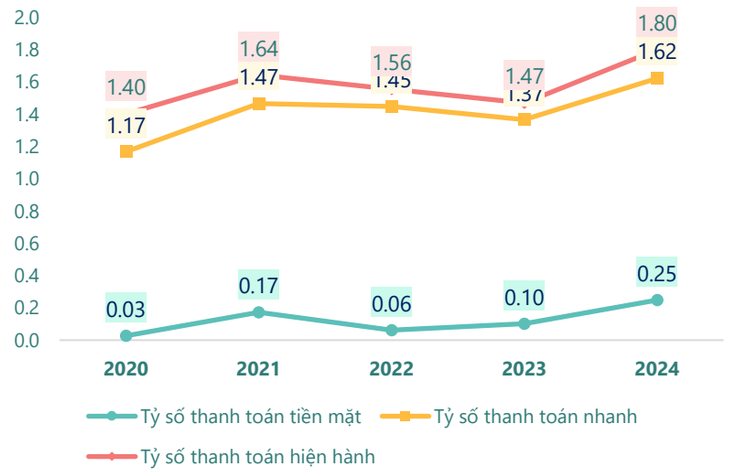
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



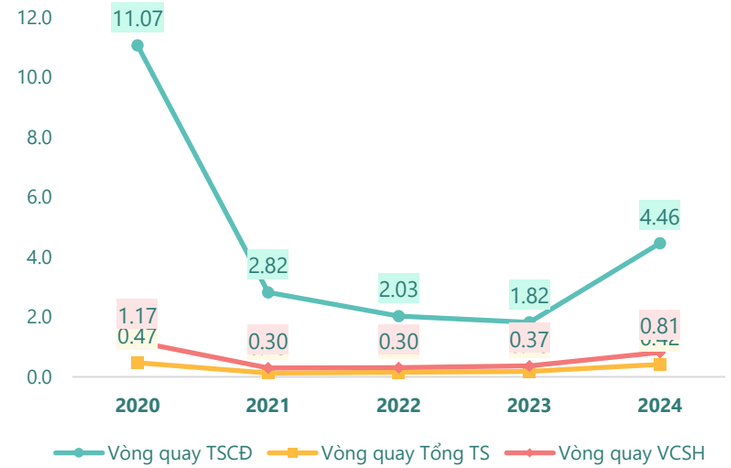
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



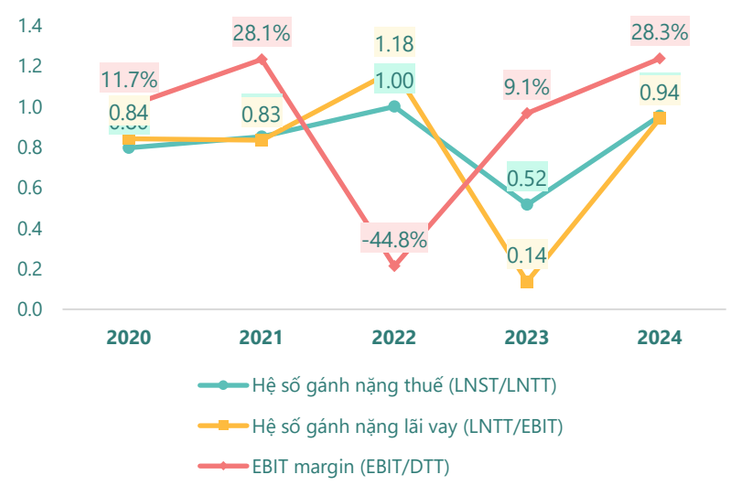
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



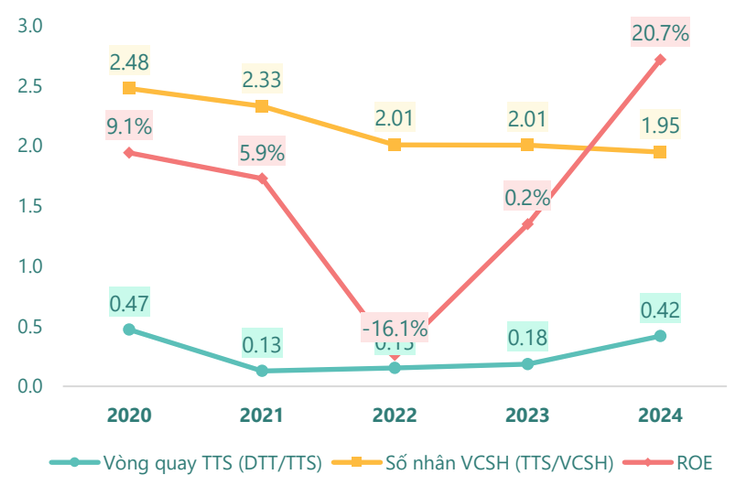
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



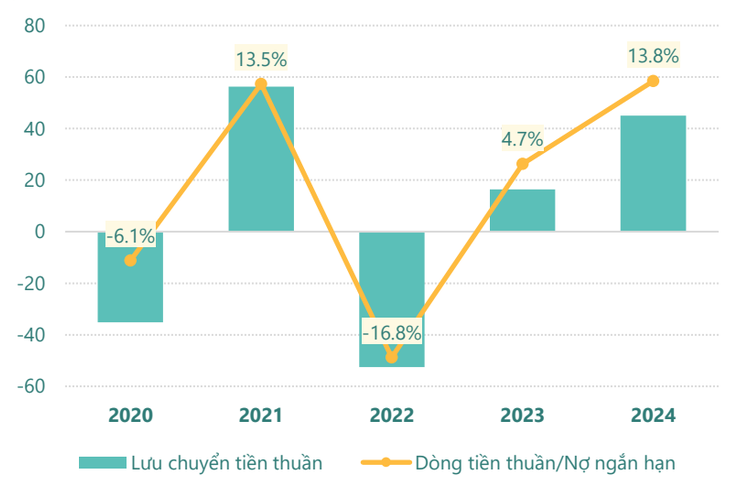
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**118**	**16.6**	**611%**	**127**	**27.2**	**369%**
Giá vốn hàng bán	103	20.4	407%	113	29.2	286%
Lợi nhuận gộp	14.6	-3.85	480%	14.4	-2.09	789%
Doanh thu HĐTC	0.10	0.01	932%	0.12	0.08	44.0%
Chi phí TC	0.50	1.11	-54.5%	1.19	2.64	-54.9%
Chi phí lãi vay	0.50	1.11	-54.5%	1.19	2.64	-54.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.17	0.17	-1.9%	0.44	0.53	-16.0%
Chi phí QLDN	**7.47**	**6.04**	**23.7%**	**14.0**	**12.1**	**15.7%**
LN thuần từ HĐKD	6.60	-11.1	159%	-1.07	-17.3	93.8%
Lợi nhuận khác	**-0.07**	**-0.56**	**87.3%**	**2.50**	**0.82**	**203%**
LN trước thuế	6.53	-11.7	156%	1.43	-16.4	109%
Lợi nhuận sau thuế	**5.57**	**-11.8**	**147%**	**0.47**	**-16.5**	**103%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.57**	**-11.8**	**147%**	**0.47**	**-16.5**	**103%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	18.0	33.3	-14.7	38.1	-10.8	44.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.19	-6.79	6.66	-2.38	0.02	0.13
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-43.7	-22.7	22.8	21.7	-51.4	-18.6
Tiền đầu kỳ	35.8	9.95	13.8	28.5	80.8	18.7
Lưu chuyển tiền thuần	**-25.8**	**3.82**	**14.7**	**57.4**	**-62.2**	**26.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.95	13.8	28.5	85.8	18.7	44.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**645**	**713**	**-9.6%**
Tài sản ngắn hạn	434	586	-25.9%
Tiền và tương đương tiền	44.9	80.8	-44.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.00	5.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	315	424	-25.7%
Hàng tồn kho	53.3	57.8	-7.7%
Tài sản ngắn hạn khác	16.1	18.6	-13.4%
Tài sản dài hạn	**211**	**127**	**65.7%**
Phải thu dài hạn	135	48.5	178%
Tài sản cố định	63.1	65.9	-4.2%
Bất động sản đầu tư	9.51	9.51	0.0%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**3.25**	**3.28**	**-0.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	260	327	-20.5%
Nợ ngắn hạn	**258**	**326**	**-20.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.8	89.7	-77.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	123	122	1.0%
Nợ dài hạn	2.28	1.78	28.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**385**	**386**	**-0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**385**	**386**	**-0.3%**
Vốn điều lệ	350	350	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)